

1. Xã Nhon Trạch

(GIÁ ĐẤT Ở 3 XÃ)

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch	6.800	4.800	4.100
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
8	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Trần Văn Trà	8.100	5.700	4.900
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.600	1.100	960

	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
15	Đường Quách Thị Trang	Đường Lý Thái Tổ	Đường Trần Văn Trà	7.300	5.100	4.400
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
22	Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ	Trạm xăng dầu Bảo Uyên	Đường Vành đai 3	7.000	4.900	4.200
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.400	1.700	1.400

	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp 3- Khu Bàu Sen xã Phú Thạnh cũ đoạn từ Trạm xăng dầu Bảo Uyên đến Đường Vành đai 3 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
29	Đường Lý Thái Tổ	Giáp ranh xã Long Thành	Cầu Phước Thiện	9.400	6.600	5.600
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.900	2.700	2.300
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Giáp ranh xã Long Thành đến Cầu Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
36	Đường Lý Thái Tổ	Cầu Phước Thiện	Đường vào khu tái định cư Phước Thiện	13.200	9.200	7.900
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện có hiện trạng là			3.900	2.700	2.300

	đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.	3.000	2.100	1.800
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.	2.200	1.500	1.300
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.	3.500	2.500	2.100
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.	2.700	1.900	1.600
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.	2.000	1.400	1.200
43	Đường Lý Thái Tổ Đường vào khu tái định cư Phước Thiện Đường vào đình Phú Mỹ 2	8.600	6.000	5.200
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.	3.900	2.700	2.300
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.	3.000	2.100	1.800
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.	2.200	1.500	1.300
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.	3.500	2.500	2.100
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến Đường vào đình Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bề tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.	2.700	1.900	1.600
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến Đường vào đình	2.000	1.400	1.200

	Phú Mỹ 2 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
50	Đường Lý Thái Tổ	Đường vào đình Phú Mỹ 2	Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội	7.900	5.500	4.700
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.600	2.500	2.200
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Đường vào đình Phú Mỹ 2 đến Hết ranh Trường Tiểu học Phú Hội có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
57	Đường Lý Thái Tổ	Trường Tiểu học Phú Hội	Cầu Long Tân	7.200	5.000	4.300
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là			2.600	1.800	1.600

	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Trường Tiểu học Phú Hội đến Cầu Long Tân có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
64	Đường Lý Thái Tổ	Cầu Long Tân	Đường Quách Thị Trang	8.600	6.000	5.200
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.600	2.500	2.200
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Cầu Long Tân đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
71	Đường Lý Thái Tổ	Quách Thị Trang	Hết ranh xã Nhơn Trạch	6.500	4.600	3.900
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.600	1.800	1.600

	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ đoạn từ Quách Thị Trang đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
78	Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiện)	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái	6.100	4.300	3.700
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiện) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiện) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiện) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiện) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiện) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Xô (đường bên hông Trường THPT và THCS Phước Thiện) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 143, tờ BĐĐC số 61 về bên phải và hết ranh thửa đất số 142, tờ BĐĐC số 61 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
85	Đường Võ Bến Sắn	Đường Lý Thái Tổ	Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn	6.500	4.600	3.900

	(đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiện cũ)	Tổ				
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Bến Sắn (đường bên hông Trung tâm văn hóa xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết nhà Võ Ấp Bến Sắn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
92	Đường Bến Chùa	Đường Lý Thái Tổ	Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch	5.500	3.900	3.300
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến			1.900	1.300	1.100

	Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bến Chùa đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 286, tờ BĐĐC số 61, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
99	Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải	5.500	3.900	3.300
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Bến Sắn - Bến Cam đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 117, tờ BĐĐC số 60 về bên trái và hết ranh thửa đất số 134, tờ BĐĐC số 60 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
106	Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải	5.500	3.900	3.300
107	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600

108	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
109	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
110	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
111	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
112	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ranh ấp Trầu - Bến Sắn đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 312, tờ BĐĐC số 72 về bên trái và hết ranh thửa đất số 165, tờ BĐĐC số 64 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
113	Đường Trần Phú	Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiện	Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến cầu Đồng Môn	13.300	9.300	8.000
114	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.900	2.700	2.300
115	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
116	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
117	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
118	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiện đến Đường vào khu			2.700	1.900	1.600

	tải định cư Phước Thiện đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
119	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đoạn từ cầu Phước Thiện đến Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đến cầu Đồng Môn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
120	Đường Trần Phú	Cầu Đồng Môn	Trạm thu phí BOT 319	10.600	7.400	6.400
121	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
122	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
123	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
124	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
125	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
126	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Cầu Đồng Môn đến Trạm thu phí BOT 319 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
127	Đường Lý Tự Trọng (đường Đôn cũ thuộc xã Nhơn Trạch)	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch	5.200	3.600	3.100
128	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Đôn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
129	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Đôn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$.			2.100	1.500	1.300

	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
130	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Tự Trọng (đường Đôn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.500	1.100	900
131	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Đôn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.300	1.600	1.400
132	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Đôn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1.900	1.300	1.100
133	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Tự Trọng (đường Đôn cũ thuộc xã Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 368, tờ BĐĐC số 97 về bên phải và hết ranh thửa đất số 7, tờ BĐĐC số 105 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.400	980	840
134	Đường vào Cù Lao Ông Cồn	Đường Lý Tự Trọng	Sông Cái (xã Long Tân Cũ)	5.400	3.800	3.200
135	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.600	1.800	1.600
136	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.400	1.700	1.400
137	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.500	1.100	900
138	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.300	1.600	1.400
139	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.200	1.500	1.300
140	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Cù Lao Ông Cồn đoạn từ Đường Lý Tự Trọng đến Sông Cái (xã Long Tân Cũ) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1.400	980	840

	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
141	Đường Trần Văn Ôn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Kim Quy	7.000	4.900	4.200
142	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
143	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
144	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
145	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
146	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
147	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Kim Quy có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
148	Đường Trần Văn Ôn	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Lý Thái Tổ	6.100	4.300	3.700
149	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
150	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
151	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
152	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
153	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.			1.900	1.300	1.100

	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
154	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Ôn đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
155	Đường vào giáo xứ Tân Tường	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch	6.000	4.200	3.600
156	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
157	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
158	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
159	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
160	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
161	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào giáo xứ Tân Tường đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 54, tờ BĐĐC số 146 về bên phải và hết ranh thửa đất số 56, tờ BĐĐC số 146 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
162	Đường vào trường mầm non Phú Thạnh	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch	6.300	4.400	3.800
163	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
164	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi			2.100	1.500	1.300

	mãng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
165	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐDC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.500	1.100	900
166	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐDC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
167	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐDC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
168	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào trường mầm non Phú Thạnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐDC số 180 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
169	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh xã Nhơn Trạch	7.000	4.900	4.200
170	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
171	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
172	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
173	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
174	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
175	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cảnh đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$.			1.700	1.200	1.000

	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
176	Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân)	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Trần Văn Ôn	6.300	4.400	3.800
177	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
178	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
179	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
180	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
181	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
182	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Kim Đồng (đường vào Trường THCS Long Tân) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
183	Đường Miếu	Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐDC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch	Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐDC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch	5.800	4.100	3.500
184	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Miếu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐDC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐDC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
185	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Miếu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐDC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐDC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
186	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Miếu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐDC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐDC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
187	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Miếu			2.600	1.800	1.600

	đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
188	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Miếu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
189	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Miếu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến hết ranh thửa đất số 33 tờ BĐĐC số 136 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 31, tờ BĐĐC số 136 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
190	Đường Miếu	Đường Lý Thái Tổ	Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch	5.800	4.100	3.500
191	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Miếu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
192	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Miếu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
193	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Miếu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
194	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Miếu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
195	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Miếu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
196	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Miếu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã ba đầu ranh thửa đất số 98 tờ bản đồ số 128 xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
197	Đường Cây Dầu	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Lý Thái Tổ	5.400	3.800	3.200
198	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
199	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường			2.100	1.500	1.300

	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
200	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.500	1.100	900
201	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
202	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
203	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Dầu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
204	Đường Đào Thị Phấn	Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch	Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch	5.400	3.800	3.200
205	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
206	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
207	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.500	1.100	900
208	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
209	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phấn đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$.			1.900	1.300	1.100

	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
210	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Đào Thị Phần đoạn từ Đường Cây Dầu đến hết ranh thửa đất số 535, tờ BĐĐC số 33 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 397, tờ BĐĐC số 33 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.400	980	840
211	Đường Trần Thị Nhật (đường dốc nhà thờ Phú Hội)	Đường Lý Thái Tổ	Đường Đào Thị Phần	6.500	4.600	3.900
212	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhật (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.700	1.900	1.600
213	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhật (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.100	1.500	1.300
214	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Thị Nhật (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.500	1.100	900
215	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhật (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.400	1.700	1.400
216	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhật (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1.900	1.300	1.100
217	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Thị Nhật (đường dốc nhà thờ Phú Hội) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Đào Thị Phần có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.400	980	840
218	Đường Bờ	Đường Lý Thái Tổ	Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải	6.100	4.300	3.700
219	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.700	1.900	1.600
220	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.100	1.500	1.300
221	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê			1.500	1.100	900

	tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
222	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
223	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
224	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Bờ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết ranh thửa đất số 190, tờ BĐĐC số 30 về bên trái và hết ranh thửa đất số 179, tờ BĐĐC số 30 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
225	Đường vào Đình Phú Mỹ 2	Đường Lý Thái Tổ	Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch)	6.100	4.300	3.700
226	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
227	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
228	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
229	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
230	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
231	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Đình Phú Mỹ 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải hết ranh thửa đất số 271, tờ BĐĐC số 21; bên trái hết ranh thửa đất số 150, tờ BĐĐC số 6,			1.400	980	840

	xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
232	Đường vào khu tái định cư Phước Thiện	Đường Lý Thái Tổ	Hết khu TĐC Phước Thiện	7.000	4.900	4.200
233	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
234	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
235	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
236	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
237	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
238	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Thiện đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Hết khu TĐC Phước Thiện có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
239	Đường Trần Phú	Ngã tư Bến Cam	Công ty Kim Phong	13.300	9.300	8.000
240	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.900	2.700	2.300
241	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
242	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
243	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
244	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường			2.700	1.900	1.600

	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
245	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Ngã tư Bến Cam đến Công ty Kim Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
246	Đường Trần Phú	Công ty Kim Phong	Đường Tôn Đức Thắng	10.00 0	7.000	6.000
247	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.900	2.700	2.300
248	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
249	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
250	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
251	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
252	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Công ty Kim Phong đến Đường Tôn Đức Thắng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
253	Đường Trần Phú	Đường Tôn Đức Thắng	Hết ranh xã Nhơn Trạch	10.90 0	7.600	6.500
254	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
255	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
256	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
257	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần			2.900	2.000	1.700

	Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.					
258	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
259	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết ranh xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
260	Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiện cũ)	Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch	Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch	5.800	4.100	3.500
261	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
262	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
263	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
264	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
265	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
266	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công ty Hương Nga (đường bên hông sân banh và Bưu điện xã Phước Thiện cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến hết ranh thửa đất số 414, tờ BĐĐC số 79 về bên phải xã Nhơn Trạch đến Hết ranh thửa đất số 992, tờ BĐĐC số 79 về			1.400	980	840

	bên trái, xã Nhơn Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
267	Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	Đường Lý Thái Tổ	Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1	6.100	4.300	3.700
268	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
269	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
270	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
271	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
272	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
273	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Lý Thái Tổ đến ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh khu công nghiệp Nhơn Trạch 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
274	Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ)	Giáp ranh xã Nhơn Trạch	Đường Trần Phú	14.600	10.200	8.800
275	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.600	3.200	2.800
276	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.600	2.500	2.200
277	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
278	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần			4.100	2.900	2.500

	Phủ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.					
279	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.		3.200	2.200	1.900	
280	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Trần Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.		2.100	1.500	1.300	
281	Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ)	Đường Trần Phú	Đường Quách Thị Trang	9.600	6.700	5.800
282	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.		3.800	2.700	2.300	
283	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.		2.900	2.000	1.700	
284	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.		2.100	1.500	1.300	
285	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.		3.400	2.400	2.000	
286	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.		2.600	1.800	1.600	
287	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Tôn Đức Thắng (đường 25B cũ) đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.		1.900	1.300	1.100	
288	Đường Nguyễn Bình Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch)	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 xã Nhơn Trạch)	4.900	3.400	2.900
289	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐĐC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.		2.500	1.800	1.500	
290	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ		2.000	1.400	1.200	

	Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐDC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
291	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Bình Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐDC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
292	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐDC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
293	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐDC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
294	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Bình Khiêm (đường vào Trường Trung cấp Kỹ thuật công nghiệp Nhơn Trạch) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Cuối ranh Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (thửa đất số 373, tờ BĐDC số 41 xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
295	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Ngô Gia Tự	Đường Phan Đăng Lưu	5.400	3.800	3.200
296	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
297	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
298	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
299	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
300	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.			1.900	1.300	1.100

	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
301	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Thọ đoạn từ Đường Ngô Gia Tự đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
302	Đường Hoàng Văn Thụ	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Phan Đăng Lưu	5.400	3.800	3.200
303	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
304	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
305	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
306	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
307	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
308	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Văn Thụ đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Phan Đăng Lưu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
309	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Trần Văn Ôn	5.400	3.800	3.200
310	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
311	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
312	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
313	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.300	1.600	1.400

	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
314	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
315	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Kim Quy đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Văn Ôn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
316	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Trần Đại Nghĩa	5.400	3.800	3.200
317	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
318	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
319	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
320	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
321	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
322	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Ngô Gia Tự đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
323	Đường 28 tháng 4	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Thích Quảng Đức	5.400	3.800	3.200
324	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
325	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
326	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là			1.500	1.100	900

	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
327	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
328	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
329	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường 28 tháng 4 đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
330	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Thích Quảng Đức	5.400	3.800	3.200
331	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
332	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
333	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
334	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
335	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
336	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hồ Tùng Mậu đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Thọ đến Đường Thích Quảng Đức có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
337	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Nguyễn Hữu Cảnh	Đường Nguyễn Hữu Thọ	5.400	3.800	3.200
338	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
339	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là			2.100	1.500	1.300

	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
340	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.500	1.100	900
341	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
342	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
343	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn An Ninh đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
344	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường Trần Đại Nghĩa	5.400	3.800	3.200
345	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
346	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
347	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.500	1.100	900
348	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
349	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
350	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trỗi đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Trần Đại Nghĩa có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
351	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Nguyễn Hữu Cánh	5.400	3.800	3.200
352	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch			2.600	1.800	1.600

	đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
353	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
354	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
355	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
356	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
357	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Ngọc Thạch đoạn từ Đường Trần Đại Nghĩa đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
358	Đường Phạm Văn Thuận	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Ngô Gia Tự	5.400	3.800	3.200
359	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
360	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
361	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
362	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
363	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
364	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Văn Thuận đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện			1.400	980	840

	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
365	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Ngô Gia Tự	5.400	3.800	3.200
366	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
367	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
368	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
369	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
370	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
371	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Đại Nghĩa đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
372	Đường Lê Đức Thọ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Ngô Gia Tự	5.400	3.800	3.200
373	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
374	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
375	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
376	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
377	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện			1.900	1.300	1.100

	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
378	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Đức Thọ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
379	Đường Thích Quảng Đức	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	5.400	3.800	3.200
380	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
381	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
382	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.500	1.100	900
383	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
384	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
385	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Thích Quảng Đức đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
386	Đường Hoàng Minh Châu	Đường Nguyễn An Ninh	Đường Ngô Gia Tự	5.400	3.800	3.200
387	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
388	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
389	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.500	1.100	900
390	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng			2.300	1.600	1.400

	Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
391	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
392	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hoàng Minh Châu đoạn từ Đường Nguyễn An Ninh đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
393	Đường Vũ Hồng Phô	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Đường Ngô Gia Tự	5.400	3.800	3.200
394	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
395	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
396	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
397	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
398	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
399	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vũ Hồng Phô đoạn từ Đường Nguyễn Văn Trỗi đến Đường Ngô Gia Tự có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
400	Đường Phan Đăng Lưu	Đường Nguyễn Kim Quy	Đường Nguyễn Hữu Thọ	5.400	3.800	3.200
401	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
402	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300

403	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
404	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
405	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
406	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Đăng Lưu đoạn từ Đường Nguyễn Kim Quy đến Đường Nguyễn Hữu Thọ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
407	Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ	Đường Lý Thái Tổ	Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch)	6.300	4.400	3.800
408	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
409	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
410	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
411	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
412	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
413	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường bổ sung tại ấp Long Hiệu xã Long Tân cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 (bên phải, hết thửa đất số 181, tờ BĐĐC số 136, xã Nhơn Trạch) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840

414	Đường Hùng Vương (HL 19 cũ)	Ngã 3 Phước Thiện	Cầu Mịch Bà	14.70 0	10.300	8.800
415	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiện đến Cầu Mịch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.900	3.400	2.900
416	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiện đến Cầu Mịch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
417	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiện đến Cầu Mịch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
418	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiện đến Cầu Mịch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.400	3.100	2.600
419	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiện đến Cầu Mịch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
420	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Ngã 3 Phước Thiện đến Cầu Mịch Bà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
421	Đường Hùng Vương (HL 19 cũ)	Cầu Mịch Bà	Giáp ranh xã Phước An	16.20 0	11.300	9.700
422	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mịch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.900	3.400	2.900
423	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mịch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
424	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mịch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
425	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mịch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			4.400	3.100	2.600
426	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mịch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$.			2.800	2.000	1.700

	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
427	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (HL 19 cũ) đoạn từ Cầu Mạch Bà đến Giáp ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			2.200	1.500	1.300
428	Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ	Hùng Vương	Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222	9.100	6.400	5.500
429	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			3.100	2.200	1.900
430	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.500	1.800	1.500
431	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.900	1.300	1.100
432	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			2.800	2.000	1.700
433	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.300	1.600	1.400
434	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường Mẫu giáo thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Ranh thửa đất số 98, tờ BĐĐC số 222 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.700	1.200	1.000
435	Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ	Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230	9.100	6.400	5.500
436	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			3.100	2.200	1.900
437	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.500	1.800	1.500
438	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.900	1.300	1.100
439	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.800	2.000	1.700

	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.					
440	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
441	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường THCS thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 290, tờ BĐĐC số 230 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
442	Đường Cây Me	Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái	9.600	6.700	5.800
443	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
444	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
445	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
446	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
447	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 400\text{m}$ đến $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
448	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Cây Me đoạn từ Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 371, tờ BĐĐC số 241 về bên phải và hết ranh thửa đất số 466, tờ BĐĐC số 241 về bên trái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
449	Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241	9.100	6.400	5.500
450	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 600\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 400\text{m}$.			3.100	2.200	1.900

451	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.500	1.800	1.500
452	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.900	1.300	1.100
453	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			2.800	2.000	1.700
454	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.300	1.600	1.400
455	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Kiểng đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 239, tờ BĐĐC số 241 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.700	1.200	1.000
456	Đường vào cổng khu phố Phước Lai	Đường Hùng Vương	Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải	9.100	6.400	5.500
457	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			3.100	2.200	1.900
458	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.500	1.800	1.500
459	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $>1.000m$. - Có bề rộng $<3m$, cách đường giao thông $>200m$.			1.900	1.300	1.100
460	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông $\leq 400m$.			2.800	2.000	1.700
461	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐĐC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐĐC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $>600m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $<5m$, cách đường giao thông từ $>400m$ đến $\leq 600m$.			2.300	1.600	1.400

	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
462	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào cổng khu phố Phước Lai đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh thửa đất số 126, tờ BĐDC số 259 về bên trái và hết ranh thửa đất số 166, tờ BĐDC số 259 về bên phải có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.700	1.200	1.000
463	Đường Huỳnh Văn Nghệ	Đường Tôn Đức Thắng	Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237	9.100	6.400	5.500
464	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			3.100	2.200	1.900
465	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.500	1.800	1.500
466	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.900	1.300	1.100
467	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			2.800	2.000	1.700
468	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.300	1.600	1.400
469	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Nghệ đoạn từ Đường Tôn Đức Thắng đến Hết thửa đất số 346 tờ bản đồ số 237 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.700	1.200	1.000
470	Đường giáp ranh xã Phước Thiện - thị trấn Hiệp Phước cũ	Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ)	Ranh thửa đất số 701, tờ BĐDC số 86	9.600	6.700	5.800
471	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiện - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐDC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤400m.			3.100	2.200	1.900
472	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiện - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐDC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.500	1.800	1.500
473	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phước Thiện - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐDC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m.			1.900	1.300	1.100

	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
474	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiện - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông ≤ 600m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 400m.			2.800	2.000	1.700
475	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiện - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5m, cách đường giao thông >600m. - Có bề rộng từ ≥ 3m đến <5m, cách đường giao thông từ >400m đến ≤ 600m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤ 200m.			2.300	1.600	1.400
476	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phước Thiện - thị trấn Hiệp Phước cũ đoạn từ Đường Lý Thái Tổ (TL769 cũ) đến Ranh thửa đất số 701, tờ BĐĐC số 86 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.700	1.200	1.000
477	Nhánh của Đường giáp ranh xã Phước Thiện - thị trấn Hiệp Phước cũ	Đường giáp ranh xã Phước Thiện - thị trấn Hiệp Phước cũ	Hết ranh thửa đất số 641, tờ BĐĐC số 86 về bên phải và hết ranh thửa đất số 102, tờ BĐĐC số 222 về bên trái	8.100	5.700	4.900

2. Xã Đại Phước

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ)	Giáp ranh xã Nhơn Trạch	Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ	7.500	5.300	4.500
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Ngã ba đường Trần Văn Trà và đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
8	Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ)	Đường Trần Văn Trà	Phà Cát Lái	14.200	9.900	8.500
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			4.100	2.900	2.500
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường			2.500	1.800	1.500

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.700	2.600	2.200
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lý Thái Tổ (Đường tỉnh 769 cũ) đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Phà Cát Lái có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
15	Đường Trần Văn Trà	Đường Trần Nam Trung	Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà	10.800	7.600	6.500
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.900	2.700	2.300
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.800	2.000	1.700
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Văn Trà đoạn từ Đường Trần Nam Trung đến Ngã 3 Lý Thái Tổ - Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
22	Quách Thị Trang	Ranh xã Nhơn	Đường Trần Văn Trà	7.300	5.100	4.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
		Trạch và xã Phước An				
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			3.500	2.500	2.100
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.700	1.900	1.600
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			2.000	1.400	1.200
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			3.200	2.200	1.900
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.400	1.700	1.400
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Quách Thị Trang đoạn từ Ranh xã Nhơn Trạch và xã Phước An đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.800	1.300	1.100
29	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Đường Lý Thái Tổ	Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ	11.600	8.100	7.000
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $\leq 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $\leq 500m$.			3.100	2.200	1.900
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông từ $> 500m$ đến $\leq 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $\leq 200m$.			2.400	1.700	1.400
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3m$ đến $< 5m$, cách đường giao thông $> 1.000m$. - Có bề rộng $< 3m$, cách đường giao thông $> 200m$.			1.900	1.300	1.100
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã			2.800	2.000	1.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
36	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ	Giáp ranh giới xã Phước An	8.900	6.200	5.300
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đến Giáp ranh giới xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
43	Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ	Đường Trần Văn Trà	Đường Hùng Vương	5.600	3.900	3.400
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.600	1.800	1.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông - Đại Phước cũ đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
50	Đường Võ Thị Sáu	Đường Hùng Vương	Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt)	5.800	4.100	3.500
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có			1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Thị Sáu đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp sông (giáp khu dân cư Sen Việt) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
57	Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ)	Đường Hùng Vương	Đường Trần Văn Trà	6.800	4.800	4.100
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Nam Trung (đường dốc 30 cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Trần Văn Trà có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.600	1.100	960
64	Đường Huỳnh Văn Lũy	Đường Trần Văn Trà	Đường Hùng Vương	7.400	5.200	4.400
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$.			2.600	1.800	1.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Văn Lũy đoạn từ Đường Trần Văn Trà đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
71	Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng)	Đường Hùng Vương	Đường Quách Thị Trang	6.100	4.300	3.700
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$.			1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh cũ (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.400	980	840
78	Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn	Đường Hùng Vương	Sông Ông Kèo	5.800	4.100	3.500
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.600	1.800	1.600
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.000	1.400	1.200
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.500	1.100	900
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.300	1.600	1.400
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1.800	1.300	1.100
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào công viên tưởng niệm Giồng Sắn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Sông Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.400	980	840
85	Đường vào khu Tái định cư Phú Đông	Đường Võ Thị Sáu	Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông)	5.800	4.100	3.500
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.600	1.800	1.600
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.100	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu Tái định cư Phú Đông đoạn từ Đường Võ Thị Sáu đến Đầu ranh Khu tái định cư Phú Đông) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
92	Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương	Đường Nguyễn Văn Trị (Đường Công Đô Cũ)	Đường Hùng Vương	6.100	4.300	3.700
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị đến đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
99	Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1	Đường Lý Thái Tổ	Ranh thửa đất số 203, tờ BĐDC số 91 (xã Đại Phước)	6.100	4.300	3.700
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại			2.700	1.900	1.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 203, tờ BĐĐC số 91 (xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
106	Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2	Đường Lý Thái Tổ	Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1	6.100	4.300	3.700
107	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
108	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
109	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.500	1.100	900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
110	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
111	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
112	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Đại Phước nhánh 2 đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường vào Trường THCS Đại Phước (xã Đại Phước) nhánh 1 có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
113	Đường Nguyễn Văn Trị (đường Công Đồ cũ)	Đường Lý Thái Tổ	Đường Phan Văn Đáng	7.100	5.000	4.300
114	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Công Đồ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.700	2.600	2.200
115	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Công Đồ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
116	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Công Đồ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
117	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Công Đồ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
118	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Công Đồ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
119	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Trị (đường Công Đồ cũ) đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Phan Văn Đáng có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.			2.000	1.400	1.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
120	Đường Chòm Dầu	Đường Lý Thái Tổ	Ranh thửa đất số 92, tờ BĐDC số 70 xã Đại Phước	6.100	4.300	3.700
121	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐDC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			2.700	1.900	1.600
122	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐDC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤ 200 m.			2.100	1.500	1.300
123	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐDC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.500	1.100	900
124	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐDC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			2.400	1.700	1.400
125	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐDC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤ 200 m.			1.900	1.300	1.100
126	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Chòm Dầu đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ranh thửa đất số 92, tờ BĐDC số 70 xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.400	980	840
127	Đường Phan Văn Đáng	Đường Lý Thái Tổ	Thửa đất số 28 tờ BĐDC số 109, xã Đại Phước	6.600	4.600	4.000
128	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐDC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			2.900	2.000	1.700
129	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐDC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤ 200 m.			2.300	1.600	1.400
130	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐDC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.700	1.200	1.000
131	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan			2.600	1.800	1.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
132	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
133	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phan Văn Đáng đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Thửa đất số 28 tờ BĐĐC số 109, xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
134	Đường Dương Văn Thi	Đường Lý Thái Tổ	Đường Nguyễn Văn Trị	7.400	5.200	4.400
135	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
136	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
137	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Dương Văn Thi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
138	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
139	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
140	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Dương Văn Thi đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Đường Nguyễn Văn Trị có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
141	Đường Vàm Ô	Đường Lý Thái Tổ	Giáp sông Cái xã Đại Phước	6.100	4.300	3.700
142	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.700	1.900	1.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
143	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
144	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
145	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
146	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
147	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Vàm Ô đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Giáp sông Cái xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
148	Đường đê Ông Kèo	Đường Lý Thái Tổ	Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu	6.500	4.600	3.900
149	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
150	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
151	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
152	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
153	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là			1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
154	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Đường Lý Thái Tổ đến Ngã 3 Thánh thất Phú Hữu có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
155	Đường đê Ông Kèo	Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu	Hết ranh xã Đại Phước	5.300	3.700	3.200
156	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
157	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
158	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
159	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
160	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
161	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Ngã 3 Thánh Thất Phú Hữu đến Hết ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.300	910	780
162	Đường ấp Phước Lương	Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu	Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ	6.600	4.600	4.000
163	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
164	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$.			2.200	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
165	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
166	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
167	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
168	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Phước Lương đoạn từ Đền thờ Phật mẫu Phú Hữu đến Rạch ông Chuốc xã Phú Hữu cũ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
169	Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ)	Đường Hùng Vương	Giáp đường đê Ông Kèo	8.100	5.700	4.900
170	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
171	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
172	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
173	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
174	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$.			2.300	1.600	1.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
175	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.800	1.300	1.100
176	Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ)	Ngã tư đường đê Ông Kèo	Sông Vàm Mương	8.500	6.000	5.100
177	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.900	2.000	1.700
178	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.400	1.700	1.400
179	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.800	1.300	1.100
180	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.600	1.800	1.600
181	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.200	1.500	1.300
182	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường (đường vào UBND xã Phước Khánh cũ) đoạn từ Ngã tư đường đê Ông Kèo đến Sông Vàm Mương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.600	1.100	960
183	Đường vào Trường THCS Phước Khánh	Đường Phạm Thái Bường	Hết Trường Tiểu học Phước Khánh	5.800	4.100	3.500
184	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.600	1.800	1.600
185	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m.			2.000	1.400	1.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.					
186	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.500	1.100	900
187	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.300	1.600	1.400
188	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			1.800	1.300	1.100
189	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào Trường THCS Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết Trường Tiểu học Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.400	980	840
190	Đường vào bến đò Phước Khánh	Đường Phạm Thái Bường	Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐDC số 194, xã Đại Phước)	6.100	4.300	3.700
191	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐDC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.600	1.800	1.600
192	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐDC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤200m.			2.000	1.400	1.200
193	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐDC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.500	1.100	900
194	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐDC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥5m, cách đường giao thông ≤1.000m. - Có bề rộng từ ≥3m đến <5m, cách đường giao thông ≤500m.			2.300	1.600	1.400
195	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐDC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.800	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
196	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào bến đò Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Ranh Bến đò Phước Khánh (thửa đất số 167, tờ BĐDC số 194, xã Đại Phước) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
197	Đường Trường mầm non Phước Khánh	Sông Vàm Mương	Đường đê Ông Kèo	5.800	4.100	3.500
198	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
199	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
200	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.500	1.100	900
201	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
202	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
203	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trường mầm non Phước Khánh đoạn từ Sông Vàm Mương đến Đường đê Ông Kèo có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
204	Đường vào khu tái định cư Phước Khánh	Đường Phạm Thái Bường	Hết khu tái định cư Phước Khánh	5.700	4.000	3.400
205	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
206	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$.			2.000	1.400	1.200

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
207	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
208	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
209	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
210	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường vào khu tái định cư Phước Khánh đoạn từ Đường Phạm Thái Bường đến Hết khu tái định cư Phước Khánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
211	Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc	Đường Phạm Thái Bường Xã Phước Khánh (cũ)	Sông Ông Thuộc Xã Phước Khánh (cũ)	5.800	4.100	3.500
212	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
213	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
214	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
215	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
216	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
217	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường nối từ đường Phạm Thái Bường đến sông ông Thuộc có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$.			1.400	980	840

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
218	Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ	Đường Hùng Vương (Đoạn Qua Xã Đại Phước)	Đường Lý Thái Tổ, đoạn Từ Đường Trần Văn Trà đến phà Cát Lái	5.600	3.900	3.400
219	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			2.600	1.800	1.600
220	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤ 200 m.			2.000	1.400	1.200
221	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.500	1.100	900
222	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông ≤ 1.000 m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông ≤ 500 m.			2.300	1.600	1.400
223	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng ≥ 5 m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông từ >500m đến ≤ 1.000 m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông ≤ 200 m.			1.800	1.300	1.100
224	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường từ đường Hùng Vương đến đường Lý Thái Tổ có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ ≥ 3 m đến <5m, cách đường giao thông >1.000m. - Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.			1.400	980	840
225	Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (Đường trục trung tâm cù lao Đại Phước)			12.000	8.400	7.200
226	Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (Các đường D1, D2, D3, D4, A9, A10)			11.000	7.700	6.600
227	Các tuyến đường tại Cù Lao Đại Phước (các đường còn lại)			9.000	6.300	5.400

3. Xã Phước An

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
1	Đường Quách Thị Trang	Đường Hà Huy Tập	Giáp ranh xã Đại Phước	7.300	5.100	4.400
2	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
3	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
4	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
5	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
6	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
7	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Quách Thị Trang đoạn từ Đường Hà Huy Tập đến Giáp ranh xã Đại Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
8	Đường Võ Văn Tần	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	9.400	6.600	5.600
9	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
10	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.600	1.800	1.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
11	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
12	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
13	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
14	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Võ Văn Tần đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
15	Đường đê Ông Kèo	Giáp ranh xã Đại Phước	Đường Hùng Vương	5.300	3.700	3.200
16	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
17	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
18	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
19	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện			2.300	1.600	1.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
20	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
21	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường đê Ông Kèo đoạn từ Giáp ranh xã Đại Phước đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.300	910	780
22	Đường Phạm Thái Bường	Đường Hùng Vương	Hết ranh xã Phước An	8.100	5.700	4.900
23	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
24	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
25	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
26	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
27	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
28	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường			1.800	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Phạm Thái Bường đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
29	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Ranh giới xã Nhơn Trạch	Cửa hàng xăng dầu An Phú	9.800	6.900	5.900
30	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
31	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
32	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
33	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
34	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
35	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Ranh giới xã Nhơn Trạch đến Cửa hàng xăng dầu An Phú có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
36	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Cửa hàng xăng dầu An Phú	Đường Nguyễn Hữu Cánh	9.000	6.300	5.400
37	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
38	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.500	1.800	1.500
39	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
40	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
41	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
42	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Cửa hàng xăng dầu An Phú đến Đường Nguyễn Hữu Cánh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.600	1.100	960
43	Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ)	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Hết ranh xã Phước An	8.300	5.800	5.000
44	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000
45	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
46	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$.			1.800	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
47	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
48	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
49	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hùng Vương (Hương lộ 19 cũ) đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
50	Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng)	Đường Quách Thị Trang	Đường Hùng Vương	6.100	4.300	3.700
51	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
52	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
53	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
54	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
55	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê			1.900	1.300	1.100

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
56	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường giáp ranh xã Phú Đông-Vĩnh Thanh (đường con Gà Vàng) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
57	Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ)	Đường Quách Thị Trang	Đường Hùng Vương	6.900	4.800	4.100
58	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
59	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
60	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.600	1.100	960
61	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
62	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
63	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Hà Huy Tập (đường Vĩnh Cửu cũ) đoạn từ Đường Quách Thị Trang đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
64	Đường ấp Hòa Bình	Đường Hùng Vương	Đường Quách Thị Trang	6.900	4.800	4.100
65	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
66	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
67	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
68	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
69	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
70	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ấp Hòa Bình đoạn từ Đường Hùng Vương đến Đường Quách Thị Trang có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
71	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Giáp ranh xã Nhơn Trạch	Đường Hùng Vương	5.900	4.100	3.500
72	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
73	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến			2.400	1.700	1.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	$\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
74	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
75	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
76	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
77	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Hữu Cánh đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
78	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	8.500	6.000	5.100
79	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
80	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
81	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
82	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$.			3.100	2.200	1.900

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
83	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
84	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
85	Đường Nguyễn Văn Cừ	Đường Hùng Vương	Cao tốc Bến Lức Long Thành	7.200	5.000	4.300
86	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
87	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
88	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
89	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
90	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
91	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Đường Hùng Vương đến Cao tốc Bến Lức Long Thành có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			1.300	910	780

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.					
92	Đường Nguyễn Văn Cừ	Cao tốc Bến Lức Long Thành	Giáp sông	5.000	3.500	3.000
93	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
94	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
95	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.000	700	600
96	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
97	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.400	980	840
98	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Cừ đoạn từ Cao tốc Bến Lức Long Thành đến Giáp sông có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			900	630	540
99	Đường Nguyễn Thị Chơn	Đường Hùng Vương	Hết Trường THCS Phước An	7.600	5.300	4.600
100	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
101	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chơn đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện			2.200	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
102	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chon đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.600	1.100	960
103	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chon đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
104	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chon đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
105	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chon đoạn từ Đường Hùng Vương đến Hết Trường THCS Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
106	Đường Nguyễn Thị Chon	Hết Trường THCS Phước An	Đường Lê Hồng Phong	6.500	4.600	3.900
107	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chon đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
108	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chon đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
109	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Thị Chon đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.600	1.100	960
110	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường			2.600	1.800	1.600

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Nguyễn Thị Chon đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
111	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chon đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
112	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Thị Chon đoạn từ Hết Trường THCS Phước An đến Đường Lê Hồng Phong có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
113	Đường Rạch Mới	Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An)	Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An	6.200	4.300	3.700
114	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
115	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
116	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.500	1.100	900
117	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐĐC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐĐC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.400	1.700	1.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
118	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐDC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐDC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
119	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Rạch Mới đoạn từ Đường Hùng Vương (đoạn qua xã Phước An) đến Hết ranh thửa đất số 355, tờ BĐDC số 107 về bên phải và hết ranh thửa đất số 344, tờ BĐDC số 107 về bên trái, xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
120	Đường Trần Phú	Giáp ranh xã Nhơn Trạch	Hết ranh xã Phước An	8.500	6.000	5.100
121	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
122	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
123	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
124	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
125	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến			2.400	1.700	1.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	$\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
126	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Trần Phú đoạn từ Giáp ranh xã Nhơn Trạch đến Hết ranh xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
127	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An	Đường Hùng Vương	8.500	6.000	5.100
128	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
129	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
130	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
131	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
132	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
133	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Huỳnh Thúc Kháng đoạn từ Ngã 5 vòng xoay đường vào cảng Phước An đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
134	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường Nguyễn Thị Chơn	6.800	4.800	4.100
135	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong			2.900	2.000	1.700

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.					
136	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
137	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
138	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
139	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.000	1.400	1.200
140	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Nguyễn Thị Chơn có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
141	Đường Lê Hồng Phong	Đường Nguyễn Thị Chơn	Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch	6.500	4.600	3.900
142	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
143	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
144	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
145	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
146	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.200	1.500	1.300
147	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường Nguyễn Thị Chơn đến Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
148	Đường Lê Hồng Phong	Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch	Đường Trường Chinh	6.800	4.800	4.100
149	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
150	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
151	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
152	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
153	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê			2.200	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
154	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Lê Hồng Phong đoạn từ Đường D15 khu dân cư HUD Nhon Trạch đến Đường Trường Chinh có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840
155	Đường ra Cảng Phước An	Vòng xoay đường Trần Phú	Đường Hùng Vương	9.400	6.600	5.600
156	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.400	2.400	2.000
157	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
158	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
159	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.100	2.200	1.900
160	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
161	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Vòng xoay đường Trần Phú đến Đường Hùng Vương có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.600	1.100	960

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
162	Đường ra Cảng Phước An	Đường Hùng Vương	Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An	8.800	6.200	5.300
163	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.500	2.500	2.100
164	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.700	1.900	1.600
165	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.900	1.300	1.100
166	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
167	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
168	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường ra Cảng Phước An đoạn từ Đường Hùng Vương đến Giáp đường cao tốc Bến Lức - Long Thành tại xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.700	1.200	1.000
169	Đường Nguyễn Văn Ký	Đường Hùng Vương	Ranh giới xã Long Phước	6.600	4.600	4.000
170	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.300	2.300	2.000

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
171	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
172	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.800	1.300	1.100
173	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.000	2.100	1.800
174	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
175	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Văn Ký đoạn từ Đường Hùng Vương đến Ranh giới xã Long Phước có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.600	1.100	960
176	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Nguyễn Hữu Cánh	Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh)	8.100	5.700	4.900
177	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
178	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.300	1.600	1.400
179	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cánh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$.			1.600	1.100	960

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng <3m, cách đường giao thông >200m.					
180	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.600	1.800	1.600
181	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.100	1.500	1.300
182	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Nguyễn Hữu Cảnh đến Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.400	980	840
183	Đường Nguyễn Ái Quốc	Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh)	Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An	8.000	5.600	4.800
184	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			3.200	2.200	1.900
185	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông từ $> 500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.			2.400	1.700	1.400
186	Các tuyến đường giao thông đầu nối trực tiếp ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $> 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $< 3\text{m}$, cách đường giao thông $> 200\text{m}$.			1.600	1.100	960
187	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $< 5\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 500\text{m}$.			2.900	2.000	1.700
188	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng:			2.200	1.500	1.300

TT	Tên đường giao thông	Điểm đầu	Điểm cuối	Giá đất ở	Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp và đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản
	- Có bề rộng $\geq 5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông từ $>500\text{m}$ đến $\leq 1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $\leq 200\text{m}$.					
189	Các tuyến đường giao thông không đầu nối trực tiếp và thông ra Đường Nguyễn Ái Quốc đoạn từ Đường Hùng Vương (ấp Thanh Minh) đến Khu công nghiệp 3 giai đoạn 2 xã Phước An có hiện trạng là đường nhựa, bê tông xi măng: - Có bề rộng từ $\geq 3\text{m}$ đến $<5\text{m}$, cách đường giao thông $>1.000\text{m}$. - Có bề rộng $<3\text{m}$, cách đường giao thông $>200\text{m}$.			1.400	980	840